CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Bất động sản điện lực Miền Trung

Ngày 31/12/2024	5,770 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-8.3%**

DT thuần
Q4/24
72.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 48.9| 211%
YoY: ▲ 43.1| 149%

LN thuần
Q4/24
-6.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.19| -2.8%
YoY: ▲ 2.18| 23.8%

LN sau thuế
Q4/24
-7.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.48| -7.2%
YoY: ▲ 2.08| 22.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-10.9%
YoY: +/-▼ 23.7%

ROE
2024
-11.1%
YoY: +/-▼ 6.0%

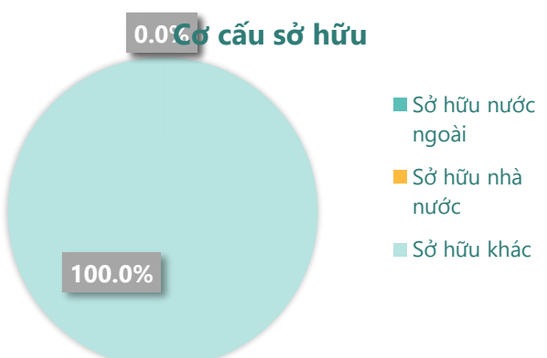
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,520 - 6,730
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	151
Số lượng CPLH (CP)	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.06)
EPS	-1,531
P/E	-3.8

DT thuần
2024
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 21.4%

LN thuần
2024
-47.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -17.4%

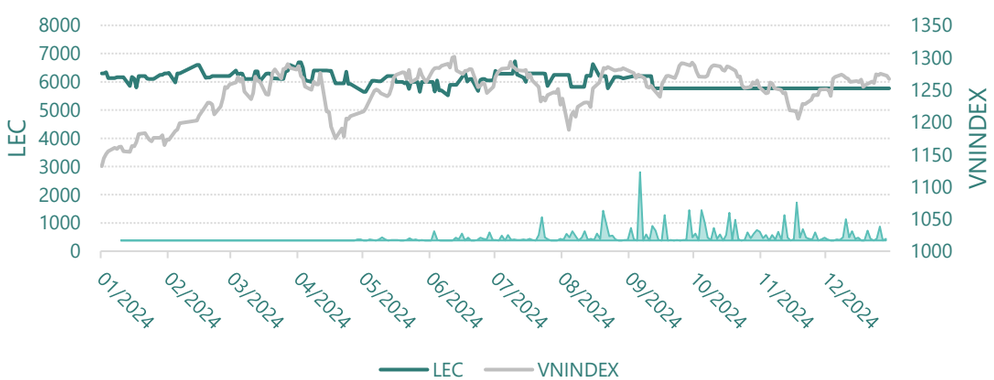
LN sau thuế
2024
-48.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.4| -56.4%

Cơ cấu sở hữu

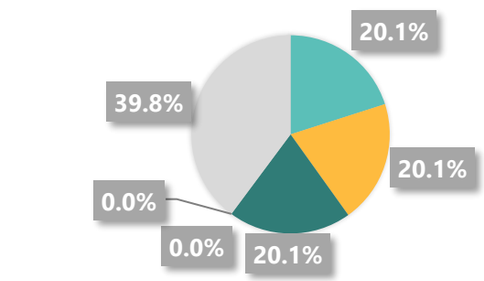


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

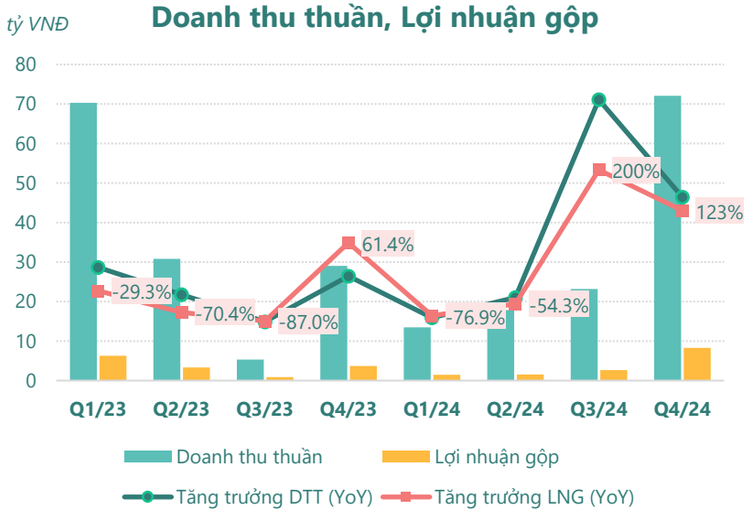


- Công ty TNHH Lemony Hà Nội
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển và Xây dựng Việt Trung
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đoàn Linh Gia
- Trương Thiết Hùng
- Hoàng Trọng Thành

(Nguồn: fireant.vn)

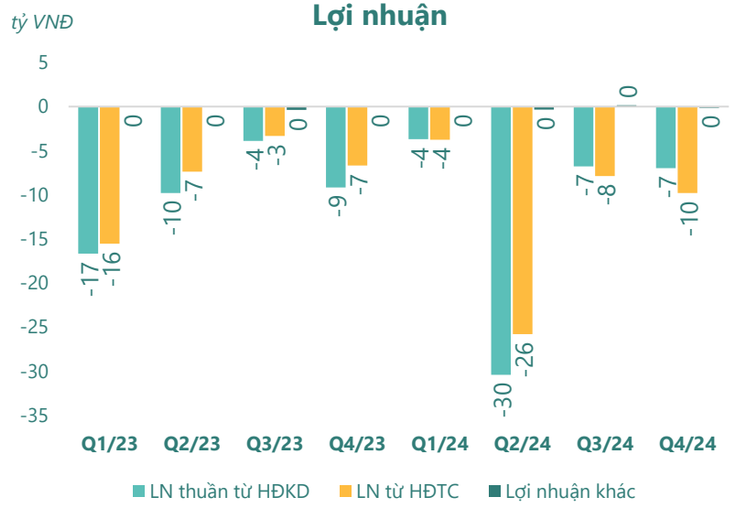
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



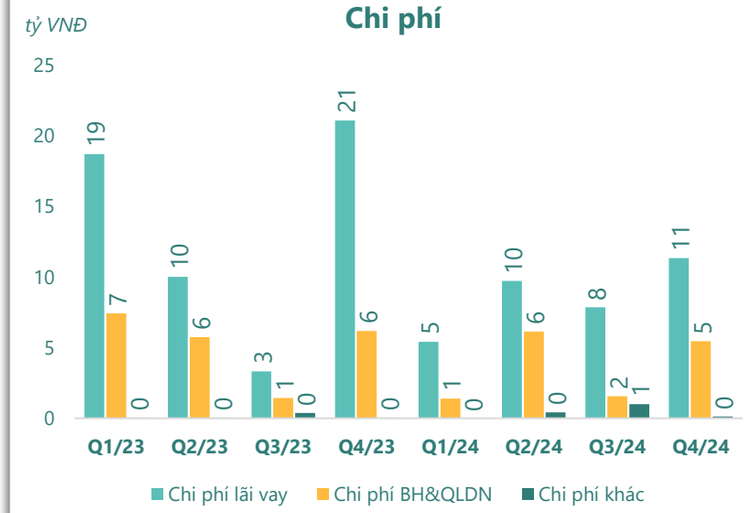
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



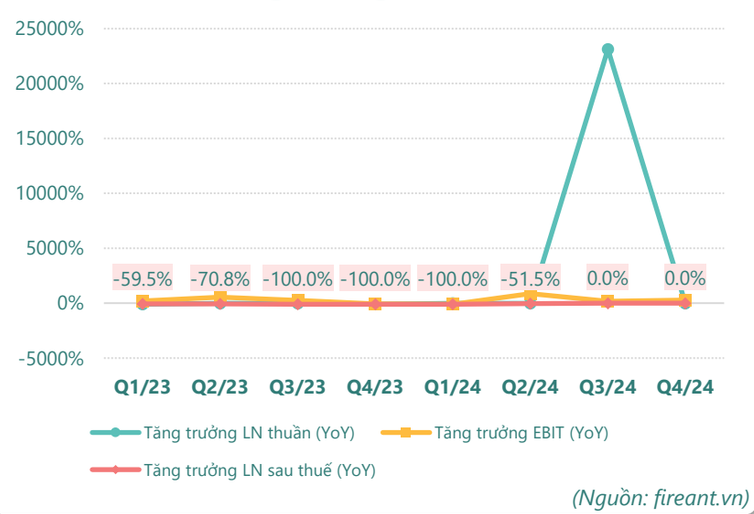
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



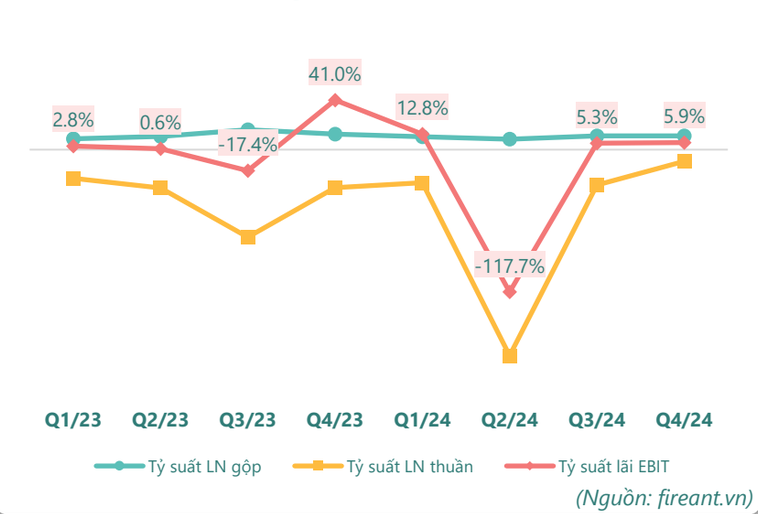
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



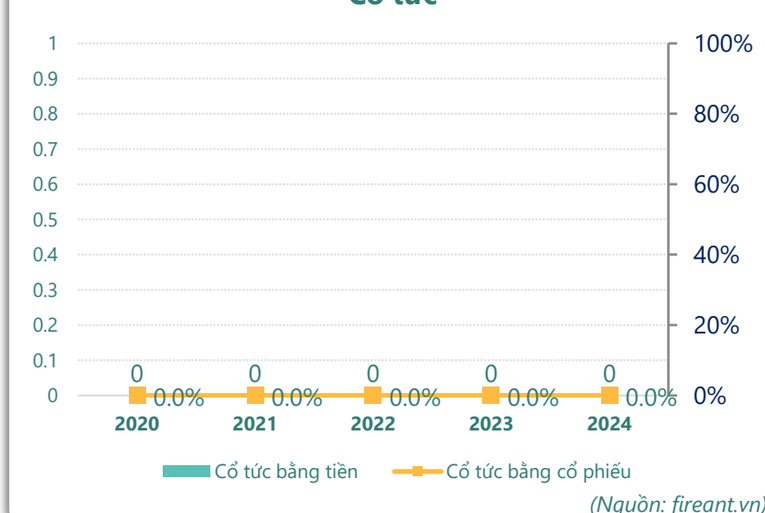
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

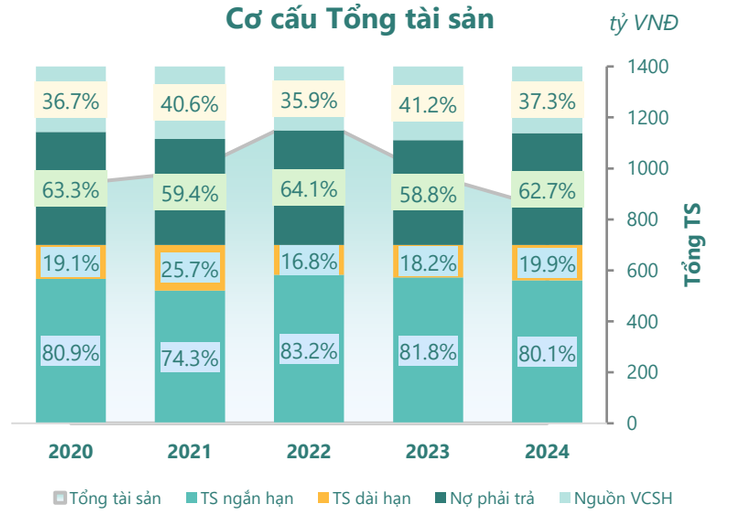
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

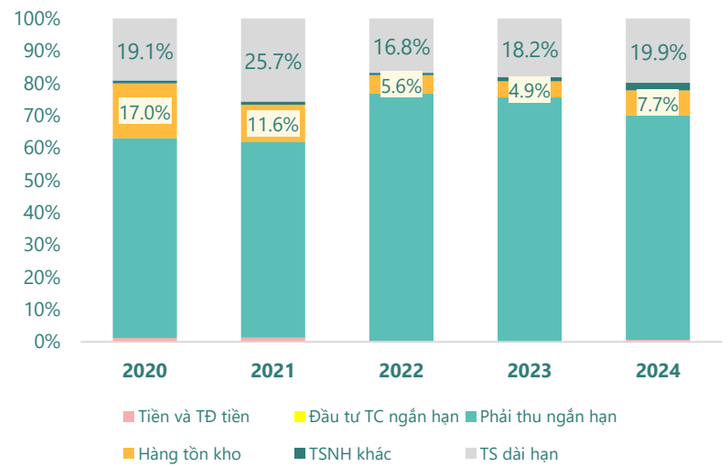
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



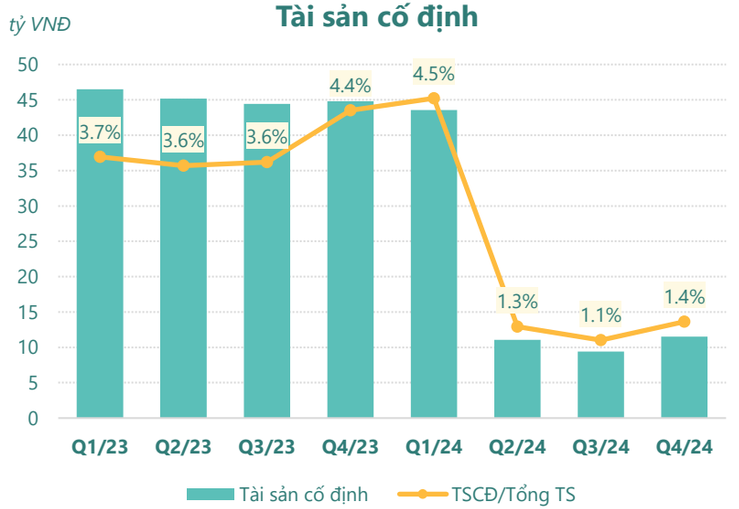
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



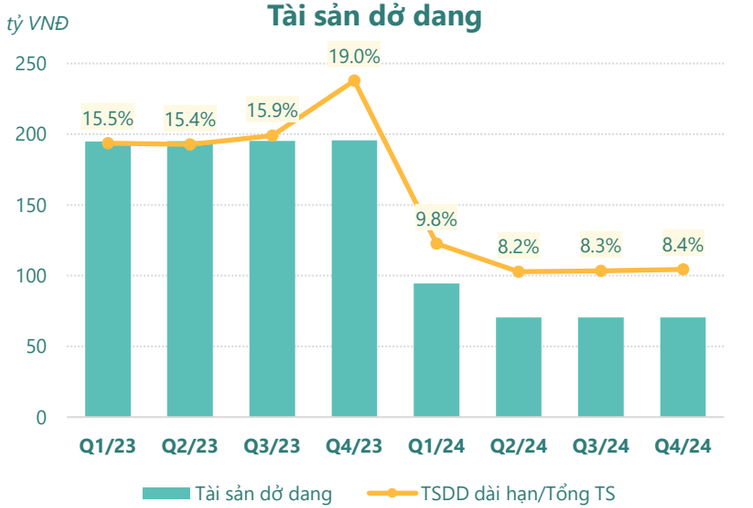
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



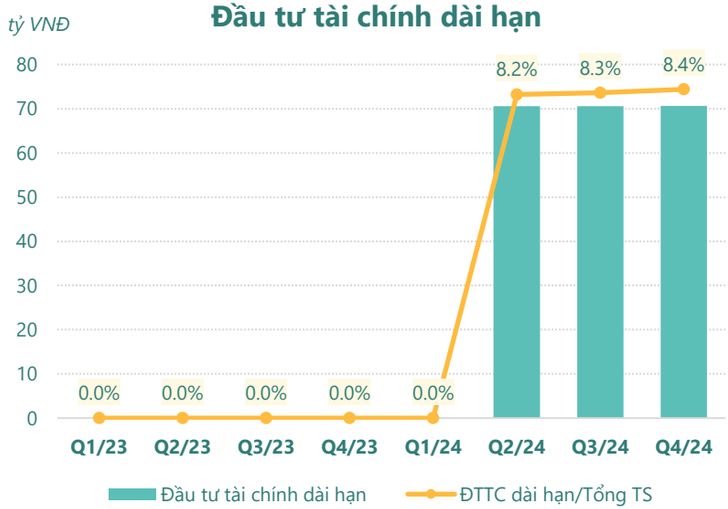
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



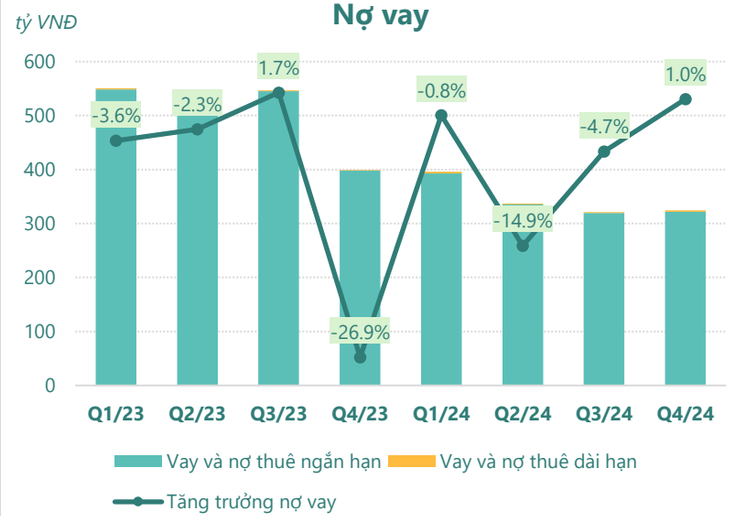
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

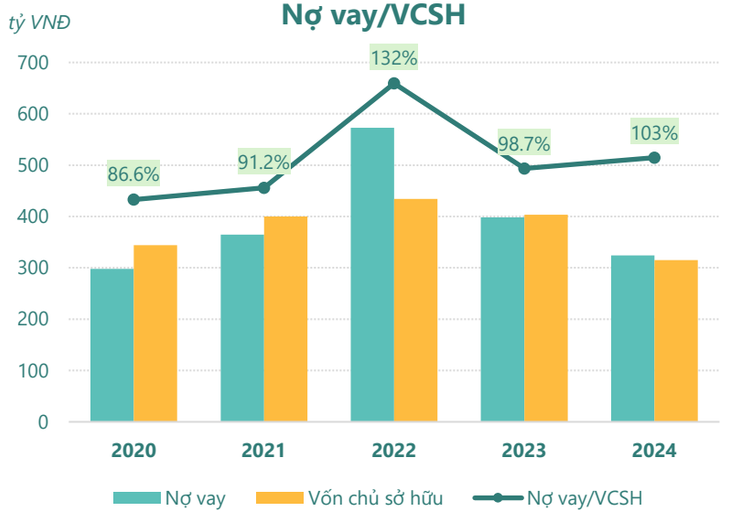
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



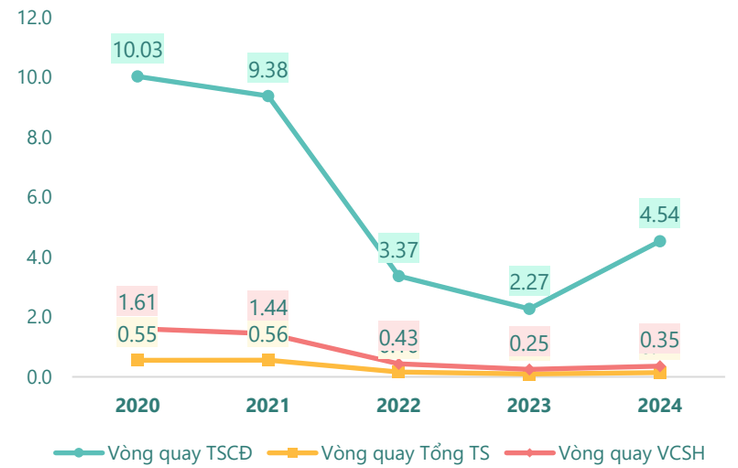
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



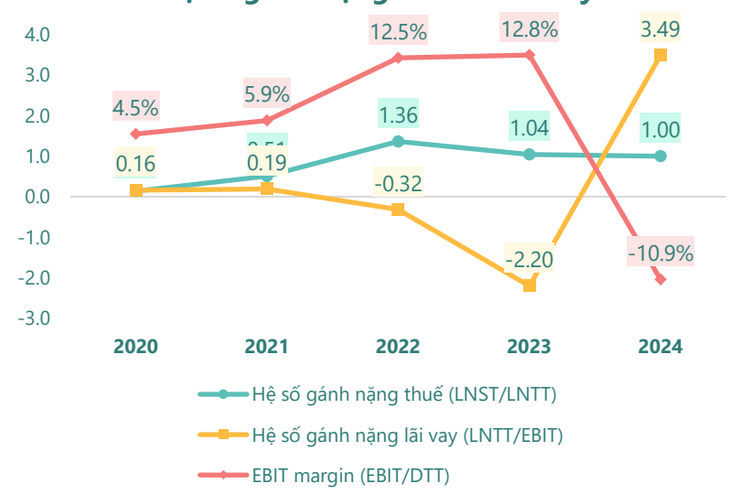
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



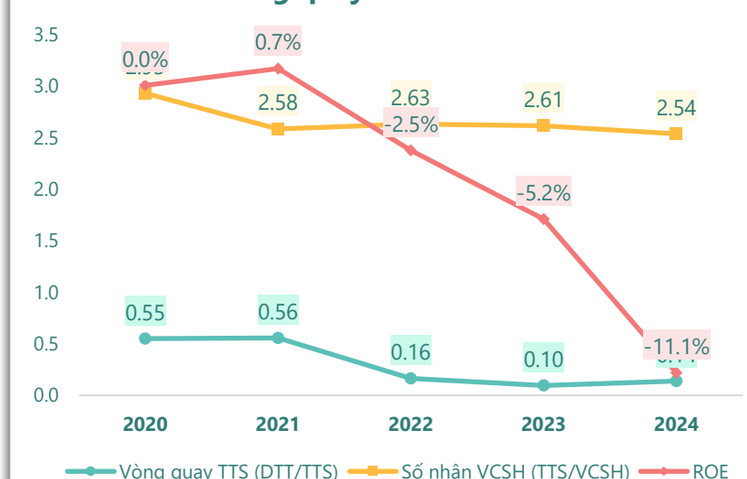
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



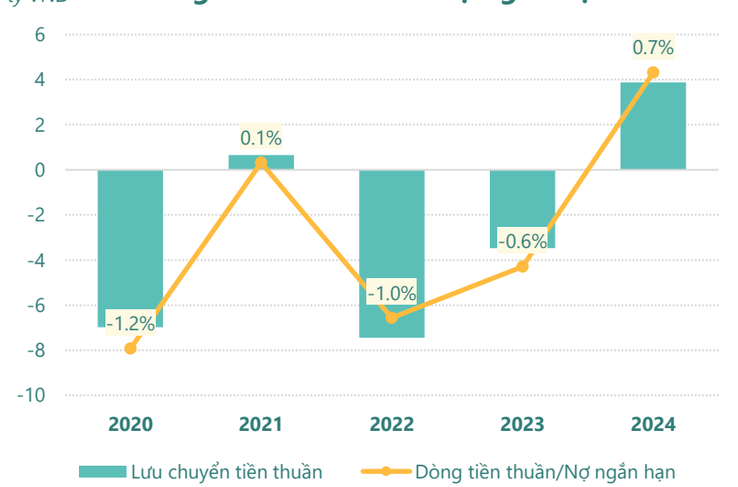
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**72.1**	**29.0**	**149%**	**127**	**104**	**21.4%**
Giá vốn hàng bán	63.8	25.3	152%	113	93.6	20.4%
Lợi nhuận gộp	8.28	3.72	123%	13.9	10.7	29.9%
Doanh thu HĐTC	1.54	14.4	-89.3%	5.70	6.60	-13.6%
Chi phí TC	11.3	21.1	-46.2%	52.9	42.9	23.4%
Chi phí lãi vay	11.3	21.1	-46.2%	34.4	42.9	-19.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00	0	
Chi phí QLDN	**5.45**	**6.18**	**-11.7%**	**14.6**	**15.2**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	-6.97	-9.15	23.8%	-47.8	-40.8	-17.4%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**-0.04**	**-239%**	**-0.32**	**11.3**	**-103%**
LN trước thuế	-7.11	-9.19	22.7%	-48.2	-29.5	-63.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.11**	**-9.19**	**22.7%**	**-48.2**	**-30.8**	**-56.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.47**	**-7.14**	**23.4%**	**-40.0**	**-21.6**	**-84.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	121	13.6	-52.0	-12.4	78.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.1	25.2	-11.3	60.2	28.6	-27.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.60	-148	-1.98	-8.54	-15.8	-47.5
Tiền đầu kỳ	1.82	2.36	1.12	1.38	0.97	1.33
Lưu chuyển tiền thuần	**0.54**	**-1.36**	**0.26**	**-0.41**	**0.35**	**3.67**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.36	1.00	1.38	0.97	1.33	5.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**844**	**979**	**-13.8%**
Tài sản ngắn hạn	676	801	-15.6%
Tiền và tương đương tiền	5.00	1.12	345%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	586	739	-20.6%
Hàng tồn kho	65.1	48.4	34.6%
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	12.5	56.3%
Tài sản dài hạn	**168**	**178**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	0	8.10	-100%
Tài sản cố định	11.5	44.4	-74.1%
Bất động sản đầu tư	0	58.8	-100%
Tài sản dở dang	70.5	34.6	104%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.6	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.02**	**10.5**	**-90.3%**
Lợi thế thương mại	14.4	21.7	-33.4%
Nợ phải trả	529	575	-8.0%
Nợ ngắn hạn	**526**	**573**	**-8.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	322	396	-18.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	151	143	5.6%
Nợ dài hạn	2.76	2.63	4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.63	2.63	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**315**	**404**	**-21.9%**
Vốn chủ sở hữu	**315**	**404**	**-21.9%**
Vốn điều lệ	261	261	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)